

Số: 03 /TB-ĐHKTKT-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
THEO CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/20025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương (Ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHKTKT ngày 18 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương);

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/07/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-ĐHKTKT-HĐTS ngày 16/07/2025 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật về điểm ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển đại học chính quy năm 2025 theo các phương thức tuyển sinh năm 2025;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương thông báo điểm trúng tuyển trình độ đại học chính quy theo các phương thức xét tuyển năm 2025, cụ thể như sau:

I. Điểm trúng tuyển đại học chính quy theo các phương thức năm 2025

1. Điểm trúng tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) năm 2025

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

- Mức điểm chênh lệch giữa 2 nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm, giữa 2 khu vực kế tiếp là 0.25 điểm



STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm Trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
2	Marketing	7340115	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 15	C00, C03, C04, D01
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
5	Kế toán	7340301	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 15	A00, A01, C01, C03, C14, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D10, D14, D15, D66, X79
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 15	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15, D66, X79
14	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 15	C00, C01, C03, C14, D01, D66, X79
15	Luật	7380101	≥ 15	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
16	Luật kinh tế	7380107	≥ 15	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm Trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
17	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 15	C00, C03, C04, D10, D01, D09, D15, D66, D14, X26
18	Dược học	7720201	≥ 21	A00, A11, B00, B03, C02, D01, D07, X10, X11

Riêng thí sinh trúng tuyển ngành Dược học phải có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

- Mức điểm chênh lệch giữa 2 nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm, giữa 2 khu vực kế tiếp là 0.25 điểm.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm Trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 14	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
2	Marketing	7340115	≥ 14	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 14	C00, C03, C04, D01
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 14	A00, A01, C01, C14, D07, D01, D10, D84, X03, X26, Y08
5	Kế toán	7340301	≥ 14	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 14	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 14	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 14	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 14	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 14	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm Trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 14	A00, A01, C01, C03, C14, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 14	C00, C03, C04, D01, D10, D14, D15, D66, X79
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 14	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15, D66, X79
14	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 14	C00, C01, C03, C14, D01, D66, X79
15	Luật	7380101	≥ 14	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
16	Luật kinh tế	7380107	≥ 14	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
17	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 14	C00, C03, C04, D10, D01, D09, D15, D66, D14, X26
18	Dược học	7720201	≥ 19	A00, A11, B00, B03, C02, D01, D07, X10, X11

Riêng thí sinh trúng tuyển ngành Dược điểm phải đạt theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm trúng tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2025 tổ chức

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm bài thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2025 và được quy đổi về thang 30 và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3. Công thức quy đổi: $\text{ĐNLQĐ} = (\text{ĐNL} \times 30) / 1200$

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm nhận hồ sơ ĐKXT quy đổi về thang 30
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 14
2	Marketing	7340115	≥ 14
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 14
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 14
5	Kế toán	7340301	≥ 14
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 14
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 14
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 14

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm nhận hồ sơ ĐKXT quy đổi về thang 30
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 14
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 14
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 14
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 14
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 14
14	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 14
15	Luật	7380101	≥ 14
16	Luật kinh tế	7380107	≥ 14
17	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 14
18	Dược học	7720201	≥ 21

Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học phải có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

4. Mức điểm ưu tiên:

Năm 2025, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

*Ghi chú: Đối với trường hợp thí sinh trúng tuyển có điểm xét tuyển < 18 điểm sẽ được nhà trường khảo sát, phân loại, phụ đạo các môn khoa học cơ bản để đảm bảo hoàn thành tốt chương trình đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra.

II. Địa chỉ liên hệ

PHÒNG TUYỂN SINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ: Số 333 Thuận Giao 16, Phường Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0287.108.1979; Hotline: 0977.61.55.61-0888.61.66.61;

+ Website: www.ktkt.edu.vn + Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/dhkinhtekythuatbinhduong/>

Nơi nhận:

-Bộ GD&ĐT (để b/c);

-BGH (để b/c);

-Hội đồng tuyển sinh;

-Các đơn vị thuộc trường;

-Website trường;

-Lưu VT: P.TS./.

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CHỦ TỊCH



TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà